



DỰ ÁN ĐẠI SỰ KÝ BIỂN ĐÔNG

Bản Tin Biển Đông Số 18

Tuần từ 13 - 19/4/2020

Thực hiện bản tin: Nguyễn Thế Phương

Hiệu đính lần cuối: Nguyễn Trịnh Đôn

Nguồn tư liệu: Nhóm South China Sea News

4/2020

Nguyễn Thế Phương là Thạc sỹ ngành Đông Á học, Đại học Duisburg-Essen, Đức. Hiện đang là nghiên cứu viên cộng tác của Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế, ĐHKHXH&NV TpHCM và Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

TS. Nguyễn Trịnh Đôn hiện đang làm việc tại Đại học British Columbia và là thành viên Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

Dự án Đại Sự Ký Biển Đông – The South China Sea Chronicle Initiative (SCSCI)

là một dự án phi lợi nhuận, phi chính trị với sứ mệnh xây dựng các biên niên sự kiện, tổng hợp và hệ thống hoá tư liệu, thông tin về các chủ đề quan trọng của tranh chấp Biển Đông theo tiêu chuẩn khoa học, đa chiều. Mục đích của Dự án nhằm góp phần cung cấp tư liệu và một bức tranh tổng thể và hệ thống về diễn tiến tranh chấp Biển Đông, giúp các nhà phân tích và hoạch định chính sách có thể hiểu được thực sự bản chất tranh chấp và có những đánh giá, giải pháp đúng đắn, đem lại công bằng và hoà bình, hướng tới an ninh và hợp tác bền vững trong khu vực.

Website: <https://daisukybiendong.wordpress.com>

Facebook: <https://www.facebook.com/daisukybiendong/>

Email: sukybiendong@gmail.com

Bản tin có sự hợp tác với **nhóm South China Sea News**. Nhuận bút cho bản tin được tài trợ bởi **một nhà hảo tâm ủng hộ hoạt động của Dự án**. Tư liệu và dữ liệu AIS được tài trợ bởi **quỹ tài chính chung của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông, được duy trì bởi nhiều nhà tài trợ**. Xem thông tin các nhà tài trợ tại <https://daisukybiendong.wordpress.com/nha-tai-tro/>.

Các ấn phẩm của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông không nhất thiết thể hiện quan điểm của tất cả thành viên và cộng tác viên, hay các nhà tài trợ Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Bản quyền các ấn phẩm thuộc về các tác giả, dịch giả và Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Mọi sự sử dụng lại hay trích dẫn phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài gốc trên Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. Sử dụng cho mục đích thương mại phải được sự đồng ý bằng văn bản của Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

Tài khoản tài trợ cho Dự án Đại Sự Ký Biển Đông: Paypal: sukybiendong@gmail.com; Chuyển khoản: Hoàng Việt. Số tài khoản: 207503269. Ngân hàng ACB (Asia Commercial Bank).

MỤC LỤC

I - TRÊN THỰC ĐỊA	2
Tàu Hải dương Địa chất 8 của Trung Quốc hoạt động trong vùng biển Malaysia	2
Trung Quốc thành lập hai huyện quản lý Trường Sa và Hoàng Sa	9
Trung Quốc tăng cường hiện diện, tàu dân quân neo đậu ở bãi đá Ba Đầu	10
Trung Quốc vẫn chưa triển khai lực lượng dân quân biển ở eo Đài Loan	14
Cảnh sát biển Bành Hồ truy đuổi các tàu nạo vét cát trái phép của Trung Quốc	15
Máy bay quân sự Mỹ tiếp tục giám sát eo Bashi; Trung Quốc xác nhận biên đội tàu sân bay Liêu Ninh tiến hành tập trận	15
Mỹ - Nhật thảo luận việc triển khai tên lửa tầm trung ở Nhật Bản	16
Hải quân Mỹ hy vọng sẽ tiếp tục tiến hành cuộc tập trận “Vành Thái Bình Dương (Rim of the Pacific)	16
Mỹ ngừng “nhiệm vụ hiện diện máy bay ném bom liên tục” ở Guam: lần đầu tiên từ năm 2004	17
Số vụ cướp biển ở Châu Á tăng gấp 3 lần chỉ trong quý 1/2020	17
II- PHÂN TÍCH/BÌNH LUẬN	18
Những gì Trung Quốc đang làm ở các vùng biển gần là tiếp diễn chính sách đã có	18
Trung Quốc và Việt Nam sẽ tiếp tục đụng độ trên biển	19
Trung Quốc đã sẵn sàng cho đối đầu ở Biển Hoa Đông?	20
Làm rõ “tư nhân hoá” cuộc chiến với Trung Quốc trên biển	22
Về sáng kiến thiết lập tuần tra chung ở Biển Đông	23
Mỹ nên tăng cường sử dụng các hệ thống không người lái trong tác chiến chống ngầm	24
Mỹ nên xây dựng lý thuyết triển khai lực lượng mới	25
Về hành động đơn phương của Malaysia tại Vùng Xác định Chung (JDA)	26
Malaysia cần tuân thủ các quy tắc của UNCLOS và bản đề trình chung về thềm lục địa mở rộng với Việt Nam	28

III- NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/BÁO CÁO CHUYÊN SÂU **28**

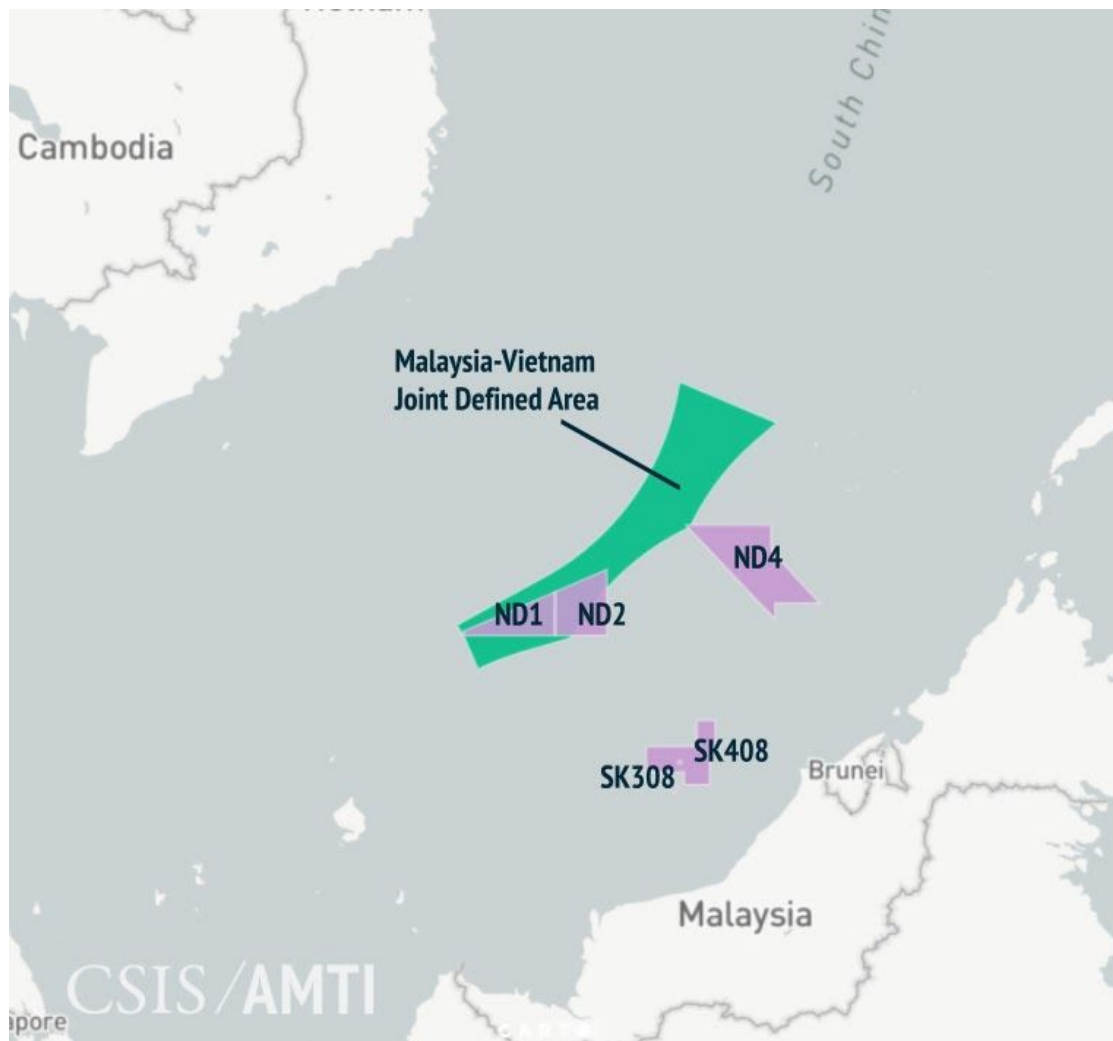
Axel Dessein, “Identifying Windows of Opportunity within China’s Rise:
Problematizing China’s Hundred-Year Strategy toward Great-Power Status” 28

Scott W. Harold et al., “US-Japan Alliance Conference: Regional Perspective on
the Quadrilateral Dialogue and the Free and Open Indo Pacific” 30

I - TRÊN THỰC ĐỊA

Tàu Hải dương Địa chất 8 của Trung Quốc hoạt động trong vùng biển Malaysia

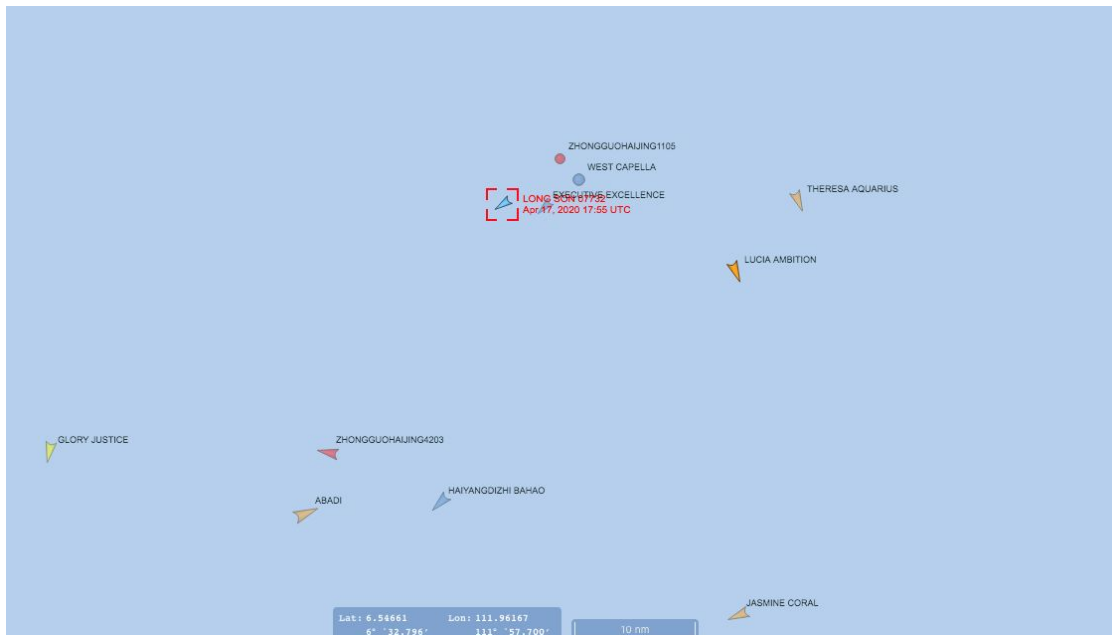
Tàu Hải Dương Địa Chất (Haiyang Dizhi) 8 của chính phủ Trung Quốc cùng với hộ tống của tàu hải cảnh trọng tải lớn và tàu dân quân biển lại một lần nữa được triển khai xuống Biển Đông, và lần này là tới vùng biển của Malaysia, trong bối cảnh Malaysia đệ trình yêu sách một phần thềm lục địa lên Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa của Liên Hợp Quốc tháng 12/2019 vừa rồi, và tàu thăm dò dầu khí West Capella vận hành bởi công ty dầu khí quốc gia Malaysia Petronas đang tiến hành hoạt động thăm dò dầu khí tại vùng chồng lấn yêu sách thềm lục địa của Việt Nam và Malaysia (hay còn gọi là “vùng xác định chung” Việt Nam - Malaysia: joint defined area) ở Biển Đông trong mấy tháng vừa qua. Đây cũng là vùng biển nằm trong phạm vi yêu sách đường 9 đoạn của Trung Quốc - một yêu sách đã bị Toà trọng tài thường trực bác bỏ trong vụ kiện Biển Đông năm 2016.



Ảnh: Vị trí vùng xác định chung giữa Việt Nam và Malaysia. Tàu West Capella của Malaysia đang hoạt động tại khu vực lô dầu ND-1 và ND-2. Nguồn: AMTI/CSIS.

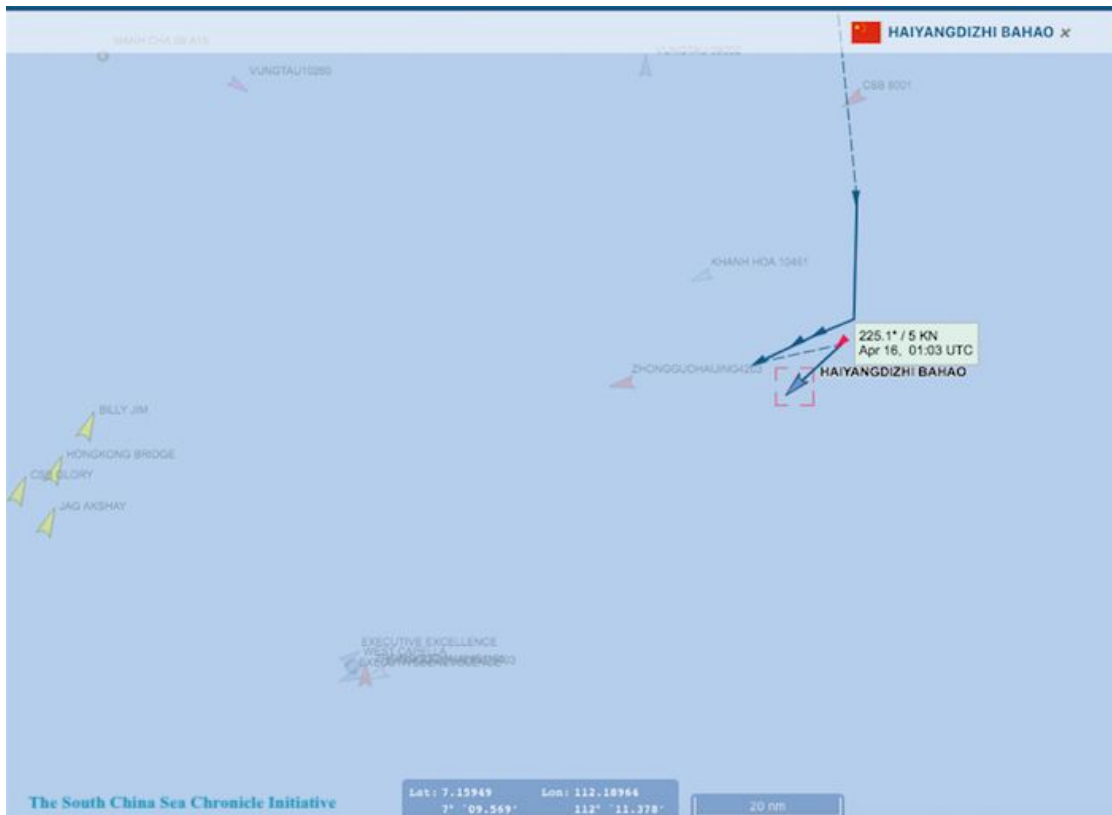
Kịch bản mà Trung Quốc đang thực hiện cũng tương tự như chiến dịch Trung Quốc tiến hành ở vùng biển của Việt Nam. Đó là một mặt đưa một số tàu hải cảnh tới quá nhiều ở khu vực tàu West Capella hoạt động, mặt khác cho tàu Hải Dương Địa Chất 8 tiến hành khảo sát trong vùng đặc quyền kinh tế của Malaysia.





Ảnh: Hai tàu hải cảnh 1105 và 5403 quấy nhiễu hoạt động dầu khí của Malaysia. Có những lúc tàu hải cảnh Trung Quốc chỉ cách tàu West Capella dưới 2 hải lý và có những chuyển động cắt ngang đường đi của các tàu hỗ trợ hoạt động của West Capella. Một tàu cá Việt Nam cũng được nhìn thấy trong khu vực. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

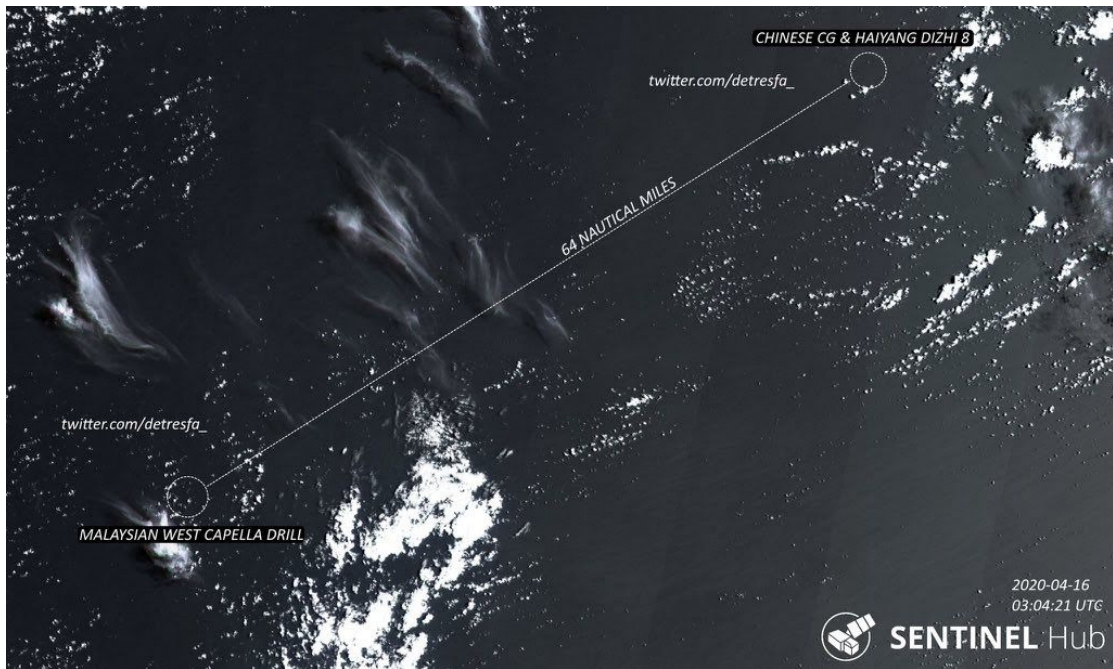
Tàu Hải Dương Địa chất 8 tiến vào vùng biển Malaysia vào tối ngày 15/4 và đến sáng ngày 16/4, tàu bắt đầu đường khảo sát đầu tiên khảo sát về phía nam-tây nam, với điểm xa nhất nằm sát ranh giới thềm lục địa giữa Malaysia và Indonesia. Mặc dù tàu cũng vượt qua vùng chồng lấn yêu sách EEZ giữa Malaysia và Indonesia, với giới hạn đường đi như miêu tả ở trên, có thể thấy mục tiêu của đợt khảo sát này là Malaysia. Những đường khảo sát tiếp theo cũng cho thấy rõ điều này. Điểm khảo sát gần tàu West Capella nhất cách tàu khoảng 9,7 hải lý.



Ảnh: Tàu bắt đầu tiến hành khảo sát trong thềm lục địa của Malaysia. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.



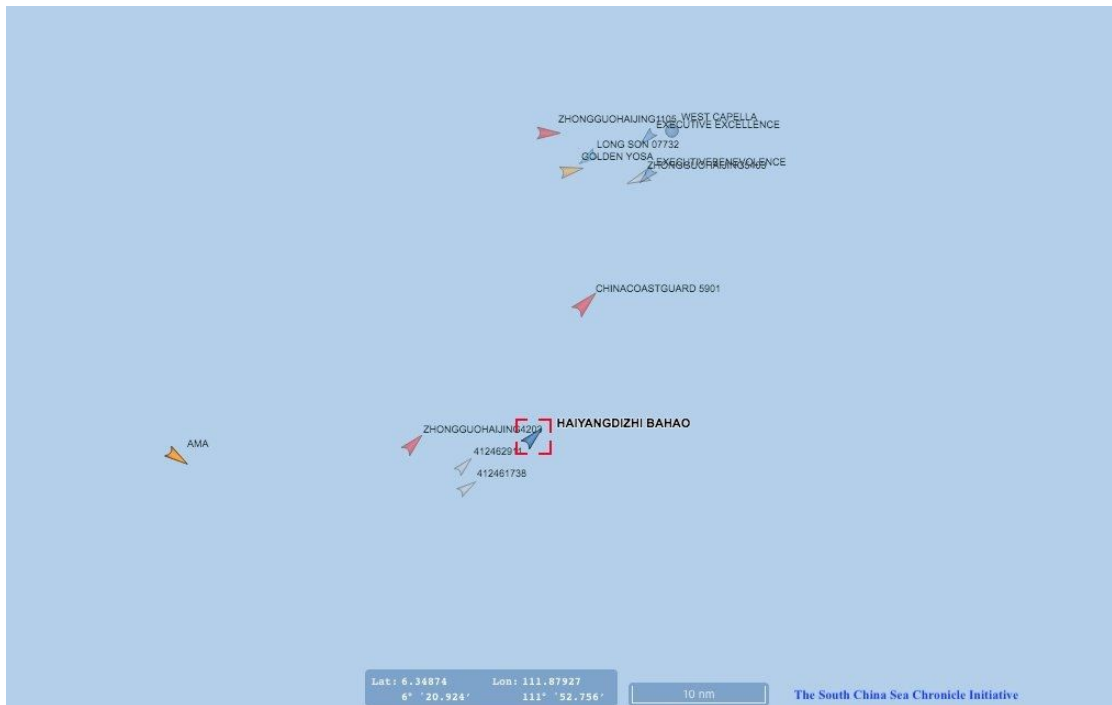
Ảnh: Mô hình khảo sát của tàu Hải Dương Địa Chất 8 trong ngày đầu tiên. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.





Ảnh: Hình ảnh vệ tinh về hoạt động của tàu Hải Dương Địa Chất 8 vào sáng sớm ngày 16/4, khi tàu bắt đầu đường khảo sát đầu tiên trong vùng biển của Malaysia. Tại thời điểm đó có thể phát hiện được ít nhất 3 tàu hải cảnh đi theo hộ tống chiếc tàu khảo sát. Nguồn: một nhà phân tích quốc phòng quốc tế.

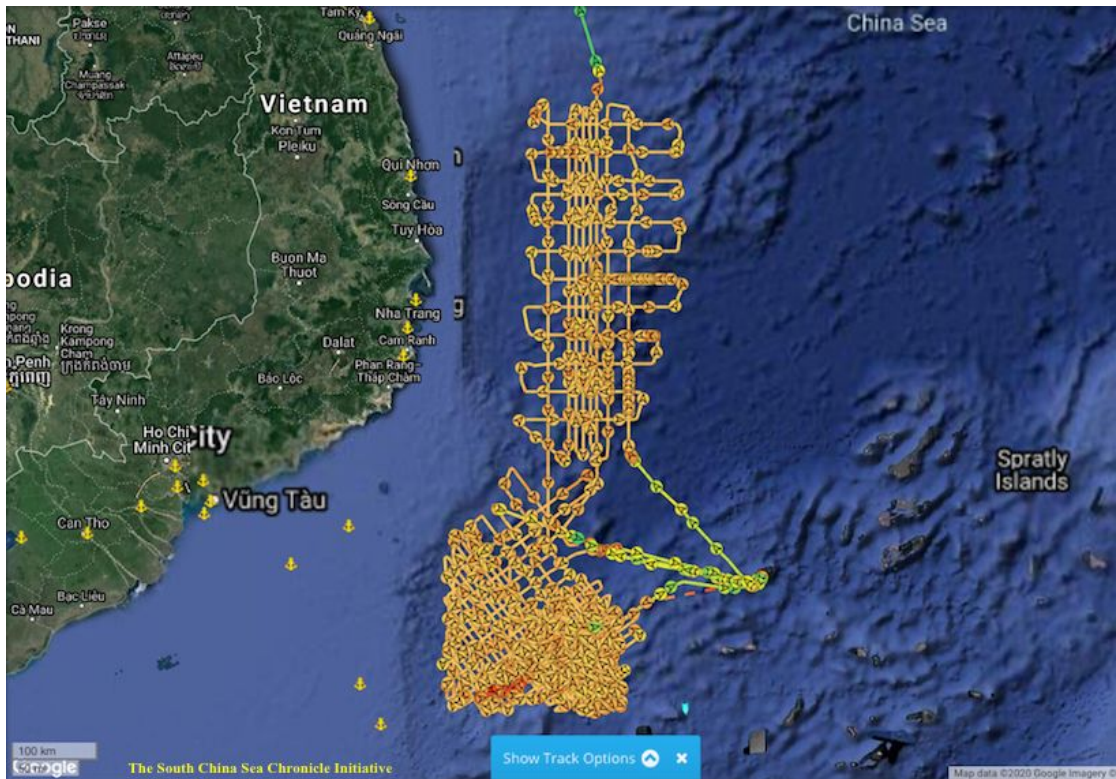
Reuters dẫn lời các nguồn tin cho biết có thời điểm tàu Hải Dương Địa Chất 8 được hộ tống bởi 10 tàu gồm hải cảnh và dân quân biển. Dữ liệu hệ thống nhận diện tự động (AIS) cho thấy trong đó bao gồm chiếc tàu hải cảnh lớn nhất của Trung Quốc mang số hiệu 5901 và ít nhất hai tàu dân quân biển.



Ảnh: Một số tàu theo hệ tổng Hải Dương Địa Chất 8 có thể quan sát được qua AIS. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

Có một chi tiết thú vị là người đứng đầu cơ quan chấp pháp hàng hải của Malaysia, ông Zubil Mat Som, lại cho rằng hoạt động của tàu Trung Quốc không phạm luật, dù ông không biết mục đích hoạt động của tàu Hải Dương Địa Chất 8 là gì. Theo một báo cáo địa phương được Reuters dẫn lại thì nguyên văn lời nói của ông Mat Som: “Chúng tôi không biết mục đích của nó nhưng hiện nó không thực hiện hành động nào trái với luật pháp” (We do not know its purpose but it is not carrying out any activities against the law)

Ngày 18/4, trả lời câu hỏi về sự hiện diện của Hải Dương Địa Chất 8 trong vùng biển của Malaysia, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã bày tỏ quan ngại về những báo cáo vụ việc “Trung Quốc lặp đi lặp lại các hành động khiêu khích nhằm vào hoạt động khai thác dầu khí ngoài khơi của các bên yêu sách khác ở Biển Đông” và kêu gọi Trung Quốc “chấm dứt các hành vi bất nạt” này.



Ảnh: Sơ đồ toàn bộ hoạt động của Hải Dương Địa Chất 8 trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam suốt 4 tháng năm 2019. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông. (Hiện Dự án đang có đầy đủ số liệu tọa độ hoạt động của tàu cho việc nghiên cứu sâu hơn).

Xem thêm:

Diễn biến thực địa cập nhật trên trang Facebook Dự án Đại Sự Ký Biển Đông:
<https://www.facebook.com/daisukybiendong/>

Reuters ngày 17/4: [Chinese and Malaysian ships in South China Sea standoff: sources](#)

Reuters ngày 18/4: [U.S. says China should stop 'bullying behaviour' in South China Sea](#)

Đọc thêm phân bình luận liên quan của Carl Thayer và Vũ Hải Đăng ở phần Phân tích/Bình luận ở trang 27 và 28.

Trung Quốc thành lập hai quận quản lý Trường Sa và Hoàng Sa

Ngày 18/4, chính phủ Trung Quốc đã phê chuẩn thành lập 2 quận (thị hạt khu: 市辖区) quản lý các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và Việt Nam tuyên bố chủ quyền.

Hai quận vừa được Trung Quốc thành lập là Tây Sa và Nam Sa, dựa trên phê chuẩn của Quốc vụ viện nước này. Tây Sa và Nam Sa cũng là cách Trung Quốc gọi tên cho lần lượt hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Các quận mới sẽ trực thuộc cái gọi là "thành phố Tam Sa", do Trung Quốc thiết lập trên đảo Phú Lâm tại Hoàng Sa từ năm 2012 bất chấp các phản đối của Việt Nam.

Quận Tây Sa sẽ "quản lý các thực thể và vùng biển thuộc quần đảo Hoàng Sa và “Trung Sa” (Trung Sa bao gồm bãi cạn Scarborough và bãi ngầm Macclesfield gần đảo Luzon của Philippines). Đơn vị hành chính được đặt ở đảo Phú Lâm tại quần đảo Hoàng Sa.

Còn quận Nam Sa quản lý quần đảo Trường Sa cùng vùng biển xung quanh, đơn vị hành chính được đặt ở đá Chữ Thập.

Theo thông tin của chính phủ Trung Quốc, “thành phố Tam Sa” có diện tích gần hai triệu km vuông, trong đó diện tích đất chỉ có 20 km vuông. Thành phố có 1800 cư dân định cư, là thành phố có dân số và diện tích đất nhỏ nhất Trung Quốc, nhưng lại có diện tích tổng thể lớn nhất Trung Quốc.

Đây là động thái mới nhất của chính phủ Trung Quốc trong chuỗi các hành động khuấy đảo Biển Đông, từ việc công bố công khai thành lập 2 "trạm nghiên cứu" trên đá Xu Bi và đá Chữ Thập, tàu hải cảnh của Trung Quốc đâm chìm tàu cá Việt ở khu vực quần đảo Hoàng Sa đầu tháng 4, biên đội Liêu Ninh tiến vào Biển Đông tập trận, và gần đây nhất là hạm đội tàu Hải Dương Địa Chất 8 đang tiến hành khảo sát ở vùng biển Malaysia.

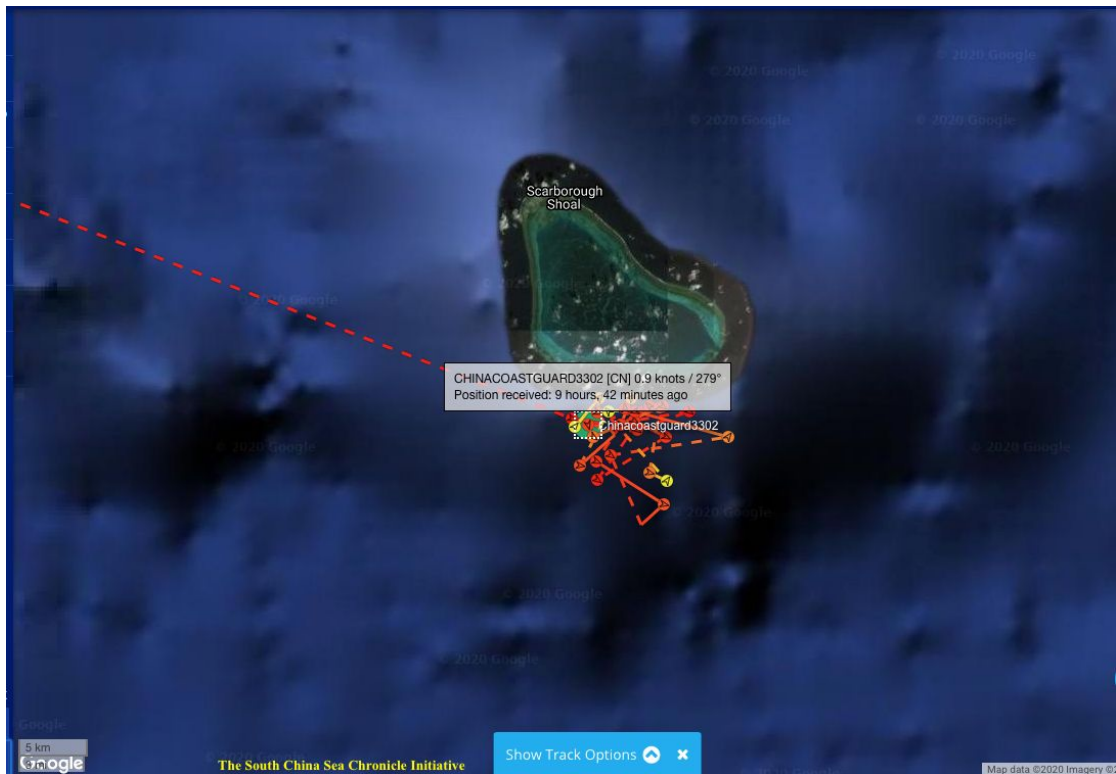
Xem thêm:

Bộ Quốc phòng Trung Quốc ngày 18/4: [China's Sansha City establishes Xisha, Nansha districts in major administrative move](#)

Zing News ngày 18/4: [Trung Quốc ngang ngược lập hai huyện quản lý Trường Sa và Hoàng Sa](#)

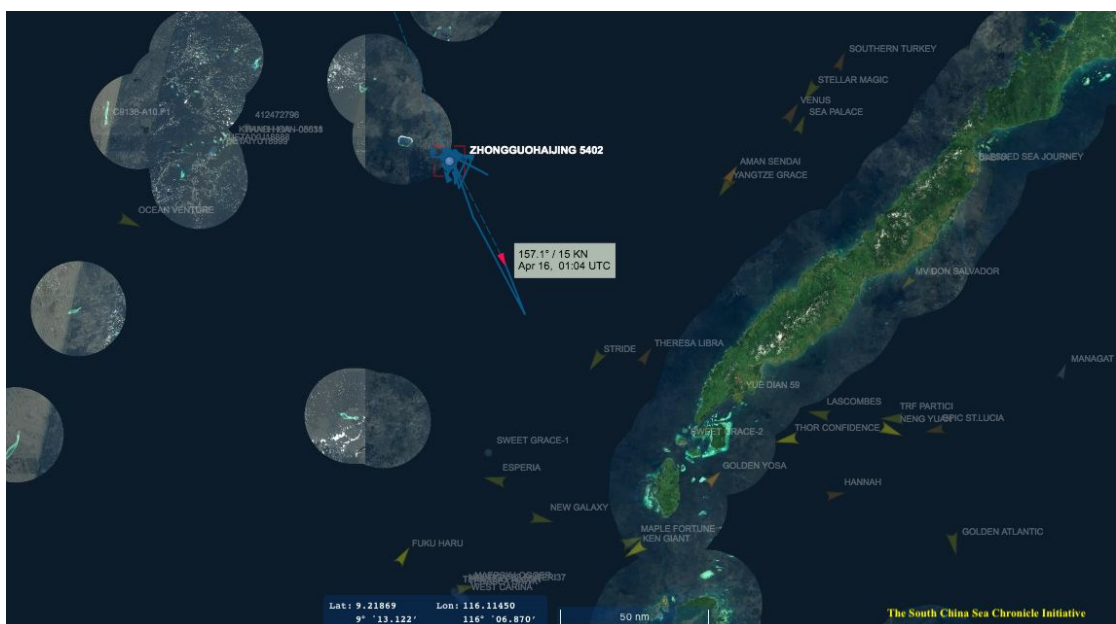
Trung Quốc tăng cường hiện diện, tàu dân quân neo đậu ở bãi đá Ba Đầu

Theo dữ liệu từ các ứng dụng hàng hải, Trung Quốc đã điều động tàu hải cảnh 3302 tới bãi cạn Scarborough. Tàu 3302 đã rời Tam Á vào chủ nhật của tuần trước đó.

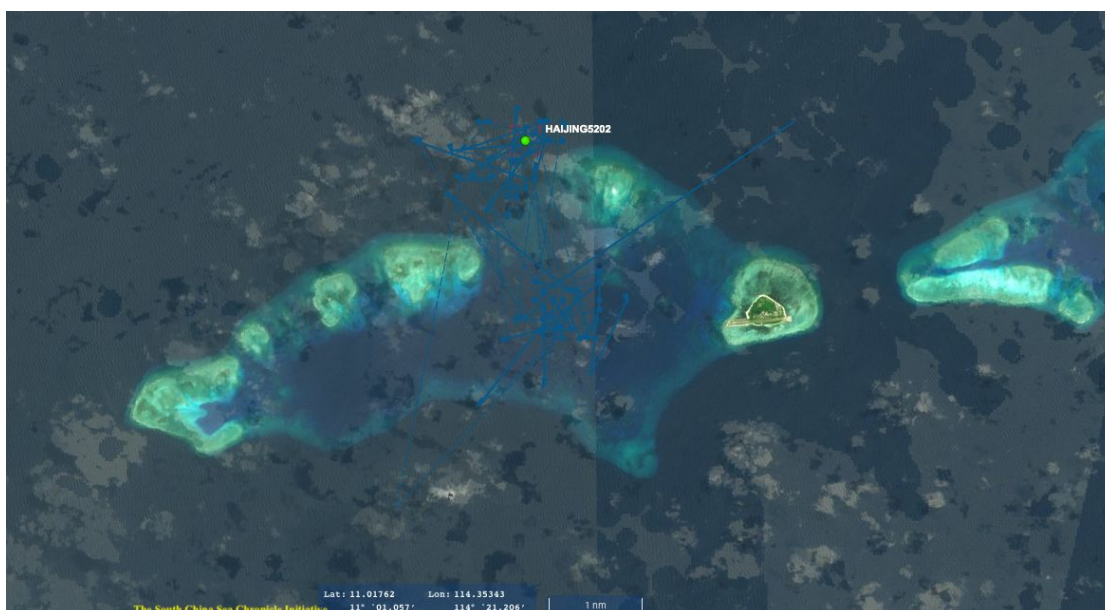


Ảnh: Tàu hải cảnh 3302 hiện đang ở khu vực bãi cạn Scarborough. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông/Marine Traffic.

Tại bãi Cỏ Mây, tàu hải cảnh Trung Quốc cũng đã tuần tra ở khu vực kể từ ngày 6/3. Theo dữ liệu hàng hải thì tàu 5402 hiện đang hiện diện ở đây. Hải cảnh 5202 cũng đang ở gần Thị Tứ từ ngày 3/4.

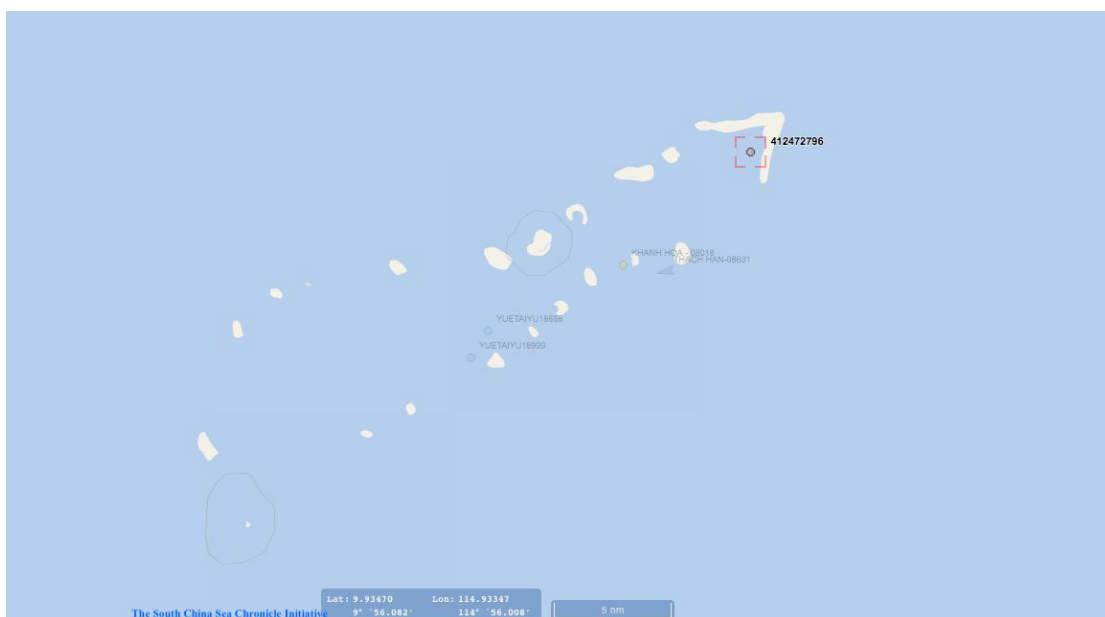


Ảnh: Tàu hải cảnh 5402 hiện đang hiện diện ở khu vực Bãi Cỏ Mây và di chuyển trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.



Ảnh: Hoạt động của tàu 5202 qua dữ liệu AIS vệ tinh. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông.

Ngoài ra, theo nhà báo Mai Thanh Hải ở Báo Thanh Niên, thời gian gần đây, tàu dân quân biển cũng tăng cường neo đậu thường xuyên ở bãi đá Ba Đầu. Tại thời điểm chúng tôi quan sát trên bản đồ AIS vệ tinh, có thể thấy ít nhất một tàu được định danh là tàu cá đang neo đậu tại đó. Một vài tàu dân quân Trung Quốc khác cũng hiện diện ở cụm đảo Sinh Tồn.



Ảnh: Bản đồ AIS vệ tinh ngày 18/4 tại cụm đảo Sinh Tồn cho thấy sự hiện diện của các “tàu cá” Trung Quốc. Nguồn: Dự án Đại Sự Ký Biển Đông



Ảnh vệ tinh ngày 15/4/2020 cho thấy có nhiều tàu đang neo đậu ở bãi đá Ba Đầu. Nguồn: Facts on the Sea



Ảnh: Một tàu dân quân biển Trung Quốc neo đậu ở bãi đá Ba Đầu. Nguồn: Mai Thanh Hải.

Xem thêm:

Eurasia review ngày 12/4: [China Sends Coast Guard Ship To Scarborough Shoal](#)

Trung Quốc vẫn chưa triển khai lực lượng dân quân biển ở eo Đài Loan

Thông tin từ một buổi họp giữa Ủy ban nội chính của Quốc hội Đài Loan, trong đó có sự tham gia của Hội đồng hải dương, Cục An ninh Quốc gia, Bộ Quốc phòng và Cục di trú, cho biết Trung Quốc hiện tại chưa triển khai lực lượng dân quân biển tại eo biển Đài Loan, nhưng trong tương lai thì vẫn chưa thể biết trước được.

Buổi họp được tổ chức theo sau vụ việc các tàu cảnh sát biển của Đài Loan bị một nhóm tàu đánh cá Trung Quốc quấy nhiễu ở gần Kim Môn vào tháng trước.

Trong buổi họp, người đứng đầu Hội đồng hải dương Lý Trung Vĩ đã giới thiệu một số thông tin chi tiết về lực lượng dân quân biển Trung Quốc, về chiến lược vùng xám, về các hoạt động của lực lượng này ở Biển Đông và Biển Hoa Đông, và về các biện pháp mà Đài Loan sẽ sử dụng trong việc phối hợp đối phó với lực lượng mới này.

Xem thêm:

Liberty Times Net ngày 16/4: [中國在台海大量部署海上民兵？海委會：目前沒有、未來難說](#)

Cảnh sát biển Bành Hồ truy đuổi các tàu nạo vét cát trái phép của Trung Quốc

Hơn 40 tàu Trung Quốc đã bị truy đuổi khỏi các vùng nước chủ quyền Đài Loan vào thứ 6 sau khi bị phát hiện nạo vét cát trái phép, theo cảnh sát biển khu vực Bành Hồ.

Các tàu nạo vét và vận chuyển cát được phát hiện hoạt động ở khu vực phía tây-tây nam đảo Bành Hồ khoảng 50 hải lý, là đảo ở cực nam của quần đảo Bành Hồ ở eo Đài Loan.

Đây là vụ việc đầu tiên trong hơn 3 tháng qua sau khi Trung Quốc dỡ bỏ phong tỏa vì đại dịch.

Xem thêm:

Focus Taiwan ngày 17/4: [Penghu coast guard chases off illegal Chinese sand dredgers](#)

Máy bay quân sự Mỹ tiếp tục giám sát eo Bashi; Trung Quốc xác nhận biên đội tàu sân bay Liêu Ninh tiến hành tập trận

Hai máy bay quân sự Mỹ, một chiếc RC-135W và một chiếc P3-Orion đã bay giám sát gần không phận phía nam của Đài Loan vào thứ hai ngày 13/4, chỉ một ngày sau

khi biên đội tàu sân bay Trung Quốc được xác nhận là đang di chuyển ở phía đông của hòn đảo này.

Đây là lần thứ 10 các máy bay của Mỹ hoạt động gần không phận Đài Loan kể từ ngày 25/3, theo Aircraft Spots, một ứng dụng chuyên theo dõi máy bay.

Theo chuyên gia phân tích quân sự của Đài Loan, việc Trung Quốc tăng cường hiện diện quân sự ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương chính là lý do khiến Mỹ triển khai máy bay tới khu vực. Giám sát các hoạt động quân sự của Trung Quốc là mục tiêu chính.

Ngoài ra cũng vào thứ hai, hải quân Trung Quốc xác nhận biên đội tàu sân bay Liêu Ninh sẽ tập trận tại Biển Đông, và đã được điều động từ eo Miyako, qua eo Bashi. Đây là kế hoạch diễn tập hằng năm nhằm gia tăng năng lực tác chiến của nhóm tàu sân bay, theo người phát ngôn hải quân Trung Quốc.

Xem thêm:

Taipei Times ngày 14/4: [US military planes fly through Bashi Channel: report](#)

Global Times ngày 13/4: [Chinese aircraft carrier Liaoning conducts exercises in South China Sea: PLA Navy spokesperson](#)

Mỹ - Nhật thảo luận việc triển khai tên lửa tầm trung ở Nhật Bản

Theo nhật báo Mainichi, Mỹ và Nhật đang thảo luận về khả năng triển khai tên lửa tầm trung ở Nhật Bản, có thể là trên đảo Kyushu và Nansei. Xuất hiện ý tưởng cho rằng Nhật Bản có thể triển khai các tên lửa do nước này tự chế tạo.

Các quan chức Nhật Bản lo ngại phản ứng của dư luận Nhật Bản trước thông tin này. Ngoài ra còn có phản ứng của các nước láng giềng Trung Quốc và Hàn Quốc.

Xem thêm:

Mainichi ngày 14/4: [安保条約60年第2部／7止 敵基地攻撃 日本に中距離弾、現実味 保有にも容認論](#)

Hải quân Mỹ hy vọng sẽ tiếp tục tiến hành cuộc tập trận “Vành Thái Bình Dương”

Tập trận hải quân đa phương thường niên lớn nhất thế giới “Vành Thái Bình Dương” (RIMPAC: Rim of the Pacific) được hy vọng vẫn sẽ diễn ra vào tháng 7 tại Hawaii, tuy nhiên một số yêu cầu cho cuộc tập trận có thể được thay đổi để phù hợp hơn với

tình hình dịch bệnh. Hải quân Mỹ hy vọng rằng dịch bệnh sẽ thuyên giảm để có thể tổ chức một số khoa mục diễn tập.

Được tổ chức 2 năm một lần, RIMPAC 2018 thu hút 25 quốc gia, 46 tàu chiến, 5 tàu ngầm, 17 đơn vị lực lượng với hơn 200 máy bay và 25.000 binh sĩ ở Hawaii và California.

Theo hạm trưởng Jeff Bernard, chỉ huy căn cứ hỗn hợp Trân Châu Cảng-Hickam, RIMPAC không chỉ liên quan tới diễn tập năng lực chiến đấu, mà còn là khả năng ứng phó với thảm họa và an ninh hàng hải. Do đó, đối với hải quân Mỹ, RIMPAC được ưu tiên ở cấp độ cao nhất.

Các cuộc tập trận khác ở Thái Bình Dương đã bị hoãn lại do dịch COVID-19, ví dụ như Balikantan 2020. Hay như quá trình luân chuyển binh lính Mỹ 6 tháng một lần tới căn cứ Darwin tại Australia cũng đang trong quá trình xem xét lại.

Xem thêm:

Star Advertiser ngày 16/4: [Navy ‘ready to flex’ Rim of the Pacific exercise in Hawaii despite coronavirus outbreak](#)

Mỹ ngừng “nhiệm vụ hiện diện máy bay ném bom liên tục” ở Guam: lần đầu tiên từ năm 2004

Không quân Mỹ đã dừng quá trình luân chuyển liên tục các máy bay ném bom tới Căn cứ Không quân Andersen trên đảo Guam, vốn bắt đầu từ năm 2004, do chuyển sang một hình thái tác chiến ít khả năng nhận diện hơn. Năm máy bay ném bom chiến lược B52H đã rời đi mà không có máy bay khác tới thay thế, kết thúc cái gọi là “nhiệm vụ hiện diện máy bay ném bom liên tục”

Sự kiện này diễn ra chỉ vài ngày sau khi các máy bay ném bom tiến hành màn diễn tập “voi đi bộ” lớn bao gồm sáu máy bay tiếp liệu trên không KC-135R, một máy bay không người lái RQ-4B, một máy bay không người lái MQ-4C và một trực thăng MH-60S.

Theo người phát ngôn không quân Mỹ, “dựa trên bản Chiến lược Quốc phòng Quốc gia, Mỹ sẽ tiến hành dịch chuyển sang cách tiếp cận mới cho phép các máy bay ném bom chiến lược hoạt động tại khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương từ các vị trí khác nhau khi cần thiết, với tầm linh hoạt tác chiến lớn hơn, trong khi các máy bay này sẽ được đặt vĩnh viễn ở Mỹ”.

Trước đây, Mỹ tiến hành luân chuyển một lượng máy bay ném bom nhất định, trong một khoảng thời gian nhất định tới Guam để đảm bảo rằng có ít nhất một nhóm máy bay ném bom chiến lược luôn sẵn sàng làm nhiệm vụ ở khu vực. Tuy nhiên, quân đội Mỹ gần đây đã chuyển sang khái niệm tác chiến mới mang tên “Triển khai lực lượng linh động” (Dynamic Force Deployment), với mục đích khiến cho quá trình triển khai lực lượng khó đoán hơn, để các đối thủ khó lên kế hoạch đề phòng.

Xem thêm:

The Drive ngày 17/4: [The Air Force Abruptly Ends Its Continuous Bomber Presence On Guam After 16 Years](#)

Số vụ cướp biển ở Châu Á tăng gấp 3 lần chỉ trong quý 1/2020

Số vụ cướp biển và cướp vũ trang đã tăng 3 lần so với quý 1/2019 với tổng cộng 29 vụ (so với chỉ 10 vụ trong cùng thời điểm năm 2019). Các vụ việc được ghi nhận ở Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia, Philippines và tại eo Singapore.

Số vụ gia tăng xung quanh eo Singapore gây lo ngại. Không có vụ việc nào được ghi nhận tại các cảng của Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm.

Xem thêm:

ReCAAP tháng 3/2020: [Piracy and Armed Robbery Against Ship in Asia 1st Quarter Report](#)

II- PHÂN TÍCH/BÌNH LUẬN

Những gì Trung Quốc đang làm ở các vùng biển gần là tiếp diễn chính sách đã có

Những ai quan sát tình hình Biển Đông cũng như ở Biển Hoa Đông trong thời gian vừa qua đều nhận thấy dường như Trung Quốc đang tận dụng đại dịch để gia tăng ảnh hưởng, hiện diện, cũng như sức ép của mình tại các khu vực tranh chấp. Có thể kể ra các sự kiện như các máy bay Trung Quốc tập trận gần vùng không phận phía nam Đài Loan vào giữa tháng 3; một tàu cá Trung Quốc va chạm với chiến hạm Nhật Bản vào cuối tháng 3; và tàu hải cảnh Trung Quốc bị tố đâm chìm một tàu cá Việt Nam ở Biển Đông...

Liệu đây đơn thuần có phải là ngẫu nhiên hay không? Là hành động “chuyển lửa ra bên ngoài” trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, kinh tế đình trệ bên trong Trung Quốc? Hay bởi vì Trung Quốc gia tăng hiện diện, nên độ nhạy là khó tránh khỏi?

Theo Abraham Denmark và cộng sự trong bài phân tích đăng trên *War on The Rocks*, mọi diễn biến chỉ là một sự tiếp diễn các chính sách đã có của Trung Quốc mà thôi.

Những hành vi đã xảy ra là không mới, không thể hiện một chiến lược hay chính sách nào mới cả. Tất cả những sự kiện trên phù hợp với cách tiếp cận chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: hung hăng nhưng mềm dẻo, sẵn sàng tận dụng cơ hội để thúc đẩy lợi ích của Trung Quốc.

Tuy vậy, không phải là không có khả năng xung đột sẽ leo thang. Tùy vào việc Bắc Kinh đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của đối phương tới đâu, họ sẽ quyết định thời gian và phương thức hành động.

Những nhà quan sát và làm chính sách cần phải xem xét một số điểm sau đây để chắc rằng cách tiếp cận của Trung Quốc có leo thang thành căng thẳng hay không

- Nỗ lực nhằm thay đổi hiện trạng: Trung Quốc tận dụng tình hình dịch bệnh để đẩy những bên có liên quan tới tranh chấp ra khỏi vị thế/vị trí họ đang có. Đây không cần phải là một hành động gì mới, Bắc Kinh chỉ cần đơn giản kéo dài những nỗ lực cũ.
- Hành vi quân sự hoá mới: bất cứ một hành động triển khai năng lực tấn công nào ở khu vực tranh chấp lúc này cũng có thể được coi là hành vi leo thang căng thẳng: năng lực tấn công đổ bộ; lắp đặt các hệ thống siêu thanh hay tác chiến chống ngầm mới; đặt bất cứ đảo nhân tạo nào làm cảng nhà cho các tàu quân sự Trung Quốc.
- Tăng cường tuyên truyền: Trung Quốc tăng cường tuyên truyền về quyền lịch sử, về Biển Đông nói chung hay các đảo nhân tạo nói riêng trong các tuyên bố chính thức hay trên các phương tiện truyền thông nhà nước.
- Chủ nghĩa cơ hội kép: Trung Quốc tăng cường và thắt chặt mối quan hệ với các nước thân thiện, như Campuchia chẳng hạn. Những bước đi này không liên quan gì tới chủ quyền, khó ứng phó nhưng lại có tác động không hề nhỏ tới tranh chấp ở Biển Đông.
- Có qua có lại: Trung Quốc gắn vấn đề chủ quyền với các hỗ trợ về tài chính, y tế và kinh tế.

Xem thêm:

Abraham Denmark và cộng sự ngày 16/4: [Same as it ever was: China's Pandemic opportunism on its periphery](#)

Tham khảo thêm:

Axel Dessein (2019) “Identifying Windows of Opportunity within China’s Rise: Problematizing China’s Hundred-Year Strategy toward Great-Power Status” (xem trang 29)

Trung Quốc và Việt Nam sẽ tiếp tục đụng độ trên biển

Các nhà phân tích cho biết cả Trung Quốc và Việt Nam đều đang phát triển lực lượng dân quân biển và tàu cá của riêng mình, và rủi ro đụng độ sẽ tiếp tục tiếp diễn trong tương lai sau vụ một tàu cá Việt Nam bị tàu hải cảnh Trung Quốc đâm chìm vào tuần trước.

Các nước Đông Nam Á báo cáo số lượng tàu Trung Quốc xuất hiện ngày càng nhiều ở Biển Đông. Ví dụ, Philippines báo cáo trong quý 1 năm 2019 đã phát hiện 275 tàu Trung Quốc - trong số đó có nhiều tàu cá - xung quanh đảo Thị Tứ, đảo lớn thứ 2 trong quần đảo Trường Sa, bị Manila chiếm đóng kể từ năm 1971.

Cả Việt Nam và Trung Quốc đều sử dụng chiến thuật tương tự, tận dụng tàu cá và dân quân biển để bảo vệ quyền và lợi ích của mình trên biển, ngay cả khi cả 2 bên đàm phán trực tiếp nhằm giảm bớt căng thẳng và tranh chấp chủ quyền. Tuy nhiên, rõ ràng cân bằng lực lượng giữa hai bên có chênh lệch lớn.

Trung Quốc sở hữu một lực lượng tàu cá đông đảo, 370.000 tàu không động cơ và 762.000 tàu có động cơ, trong khi Việt Nam chỉ có 8.000 tàu cá. Theo Lầu Năm Góc, lực lượng dân quân biển Trung Quốc chính thức có 21 triệu ngư dân cùng 439.000 tàu có động cơ.

Theo Isaac Kardon từ Học viện Hải chiến Hoa Kỳ, việc sử dụng dân quân biển có thể giúp hai nước “tận dụng các tuyên bố chủ quyền hàng hải, giúp tạo việc làm cho những người không có việc làm, định hướng dư luận về tranh chấp”. Bên cạnh đó, sử dụng dân quân biển giúp giảm nguy cơ sử dụng vũ lực không cần thiết vốn có thể dẫn tới leo thang căng thẳng. Tuy nhiên theo Derek Grossman từ RAND (cơ quan nghiên cứu chính sách về an ninh quốc gia ở Mỹ), Việt Nam có ít tàu đánh cá hơn, và các tàu này chủ yếu là tàu vỏ gỗ, trong khi tàu cá Trung Quốc lại là tàu vỏ thép.

Zack Cooper từ Viện Doanh nghiệp Mỹ (viện nghiên cứu chính sách công) cho rằng, nếu được dùng thường xuyên, va chạm giữa các lực lượng dân quân biển sẽ gia tăng rủi ro đối đầu, nhất là khi căng thẳng giữa Việt Nam và Trung Quốc đang gia tăng

nhanh chóng. Tuy nhiên theo Trương Khiết (Zhang Jie), chuyên gia từ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Trung Quốc, thì Bắc Kinh sẽ sử dụng hải quân và hải cảnh nhiều hơn thay vì dân quân biển. “Trung Quốc sẽ tập trung nhiều vào quản lý khủng hoảng vì tranh chấp hàng hải rất khó giải quyết nhanh chóng”, theo Trương.

Xem thêm

South China Morning Post ngày 12/4: [China and Vietnam “likely to clash again” as they build maritime militias](#)

Trung Quốc đã sẵn sàng cho đối đầu ở Biển Hoa Đông?

James Holmes từ Đại học Hải chiến Hoa Kỳ đã có một phân tích hết sức thú vị về chiến lược và chiến thuật mà Trung Quốc đang sử dụng ở Biển Hoa Đông, thông qua việc sử dụng các lực lượng bán quân sự và dân sự ở khu vực.

James Holmes trích dẫn lời cảnh báo của Robert Heinlein (nhà văn, và cũng là một sĩ quan hải quân Mỹ đầu thế kỷ 20): đừng gán tội hung ác cho những hành vi đã được giải thích thỏa đáng là do ngu ngốc mà ra (nguyên văn trong bài viết: “never to attribute to villainy behavior that was adequately explained by stupidity). Nói cách khác, hãy cố gắng tìm một lời giải thích nhân từ hơn để lý giải hành vi của một người, hay một nhóm người. Với Holmes, lời cảnh báo đó là hơi hẹp. Hành động côn đồ không chỉ xuất phát từ sự ngu ngốc, hay cố tình. Những yếu tố khác như kém cỏi, trì trệ quan liêu, hay thậm chí là tai nạn cũng định hình nên hành động và suy nghĩ của con người. Sự ngu ngốc ở đây nên được mở rộng thành “lỗi con người” (human failings).

Bây giờ áp dụng cách giải thích đó vào vụ va chạm giữa tàu cá Trung Quốc và khu trục hạm Nhật Bản xảy ra mới đây. Vụ việc xảy ra hoàn toàn có thể là do tai nạn. Không một loại công nghệ cao nào có thể hoàn toàn khóa lắp được lỗi lầm của con người, có thể đến từ các “ngư dân” Trung Quốc, cũng có thể là từ các thủy thủ Nhật Bản. Đó sẽ là cách giải thích của Heinlein cho tới khi chứng cứ trở nên rõ ràng hơn.

Tuy nhiên, không bao giờ nên bỏ qua chính sự xấu xa như là nguyên nhân của mọi chuyện.

Trong hàng thập kỷ, Trung Quốc xây dựng dân quân biển như là một bộ phận của chiến lược biển, một trợ thủ không chính quy của hải quân và hải cảnh. Các tàu cá xuất hiện tràn ngập khắp các vùng biển tranh chấp và thách thức lực lượng chấp pháp của các quốc gia khác. Nếu bị kháng cự, hải cảnh sẽ xuất hiện và hỗ trợ. Trong khi hải

quân Trung Quốc là phòng tuyến cuối cùng. Rõ ràng, dân quân biển là lực lượng tiên phong chiến lược chống lại các đối thủ yếu hơn (như ở Biển Đông).

Tuy nhiên, trong vòng một thập kỷ qua dân quân biển và các tàu hải cảnh đã trở thành một yếu tố hiện diện thường trực xung quanh Senkaku/Điếu Ngư. Phòng bị trước một cuộc tấn công đổ bộ có thể xảy ra, Tokyo tăng cường sự hiện diện của lực lượng phòng vệ xung quanh quần đảo. Trung Quốc giờ đây chỉ cần tràn ngập lãnh thổ bởi số lượng khi có sự tiếp sức của các tàu cá. Và để bắt kịp, Nhật Bản sẽ phải điều động một số lượng lớn nhân lực và vật lực của hải quân và cảnh sát biển chỉ để tăng cường hiện diện ở khu vực, trong khi phải rút bớt nhân lực ở những nơi khác.

Học giả Barton Whaley, chuyên gia hàng đầu về lý thuyết lừa dối (deception theory), mô tả các chiến thuật của Trung Quốc ở Biển Hoa Đông như sau. Mỗi một chiến dịch lừa dối sẽ bao gồm hai bộ phận chính: che giấu (dissimulation) thực tế khỏi con mắt quan sát của đối thủ; và giả vờ (simulation), tức là phô bày sự giả tạo. Bắc Kinh có thể tái định hình lại lực lượng đổ bộ bằng cách đưa thủy quân lục chiến lên các tàu cá hay tàu hải cảnh. Tức là, một khi Tokyo đã quen với việc đối đầu với các lực lượng phi vũ trang một cách thường xuyên, họ sẽ lơ lửng phòng bị. Chiếc bẫy sẽ được giăng ra và sập xuống khi lực lượng chính quy của Trung Quốc sử dụng các phương tiện dân sự và bán dân sự để tiến hành tấn công khiến Nhật Bản không kịp trở tay. Chiến thuật này gọi là “tạo hình ảnh mới” (repackaging).

Một chiến thuật lừa dối khác có tên là “mồi bẫy” (decoying). Quân đội Trung Quốc có thể làm Tokyo phân tâm bằng cách dụ lực lượng phòng vệ tập trung vào những điểm nóng khác cách xa Senkaku/Điếu Ngư. Chiến thuật này còn khiến Nhật Bản bị chuyển hướng khỏi các nguồn tài lực khác.

Nói tóm lại, chiến lược lừa dối của Trung Quốc có thể làm cho người Nhật mệt mỏi, khiến họ tự mãn, và làm sao nhãng lực lượng phòng vệ khỏi mục tiêu chiến lược.

Xem thêm:

James Holmes ngày 11/4: [Is China Getting Ready for an East China Sea Showdown?](#)

Làm rõ “tư nhân hoá” cuộc chiến với Trung Quốc trên biển

Báo *Thanh Niên* đã có bài phỏng vấn ông Brandon Schwartz, nghiên cứu viên tại Trường Luật của Đại học George Washington, để làm rõ hơn quan điểm của ông liên quan tới bài phân tích trên nguyệt san của Viện Hải quân Mỹ (USNI) về việc Mỹ nên

sử dụng các tàu tư nhân được chính quyền cấp phép (privateers) để chống lại Trung Quốc.

Theo Schwartz, các hãng thông tấn mà tiêu biểu là SCMP đã không thể hiện đầy đủ đề xuất được nêu ra trong bài phân tích trên USNI. Các tác giả đề xuất “cởi trói” để vũ trang hạng nhẹ cho tàu tư nhân Mỹ truy bắt, tấn công tàu thương mại Trung Quốc trong trường hợp hai bên xảy ra xung đột, tức là trong thời chiến chứ không phải thời bình.

Việc tăng cường vũ trang cho tàu thương mại tiến hành ngăn chặn các tàu thương mại và tàu hàng của Trung Quốc xảy ra ở những vùng biển bên ngoài khu vực hoạt động của hải quân.

Ông nói thêm rằng trong kịch bản thời chiến, khi tương quan số lượng chiến hạm Mỹ - Trung đang thay đổi rất nhanh, và Washington vẫn phải duy trì chiến hạm ở những khu vực khác để đáp ứng các mối quan tâm khác, thì có thêm sự hỗ trợ từ lực lượng tàu tư nhân được cấp phép sẽ giúp ích rất nhiều trong việc làm cạn kiệt nguồn lực của Bắc Kinh. Chính phủ Mỹ có thể phát hành các giấy phép chặn bắt (letter of marque) để trao quyền cho một số tàu tư nhân.

Đối với thời bình, dù không thể đưa ra các giấy phép chặn bắt như trên, nhưng chính phủ Mỹ có thể xem xét và chuẩn bị sẵn hành lang pháp lý cho cách thức này. Như thế, đó cũng là một thông điệp cảnh báo nặng ký để Bắc Kinh nhận thấy rõ nguy cơ thiệt hại thế nào nếu xảy ra xung đột quân sự với Mỹ.

Theo ông Schwartz, các luật định hiện hành ở Mỹ có thể được viện dẫn phù hợp để thực hiện đề xuất trên. Điều đó là hoàn toàn khả thi.

Xem thêm:

Brandon Schwartz ngày 13/4: [Làm rõ “tư nhân hoá” cuộc chiến với Trung Quốc trên biển](#)

Về sáng kiến thiết lập tuần tra chung ở Biển Đông

Ts. Nguyễn Thành Trung thuộc Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế (SCIS), Đại học KHXH&NV TpHCM, có bài bình luận trên *Tuổi Trẻ* về những hành động tăng cường hiện diện quân sự gần đây của Trung Quốc tại Biển Đông. Trong bài bình luận, ông Trung đã đưa ra đề xuất đáng chú ý về việc thiết lập cơ chế tuần tra hàng hải chung ở ASEAN.

Một thiết chế đa phương hàng hải chung, theo ông Trung, cần mang tính dân sự hay bán quân sự giữa các lực lượng tuần duyên hay cảnh sát biển, thay vì giữa các lực lượng hải quân các nước. Mô hình này cần mở rộng với sự trợ giúp của các thể chế mà ASEAN là trung tâm như ASEAN+3, hay ADMM+ nhằm thúc đẩy đào tạo nhân lực, cơ sở hạ tầng, tập huấn năng lực hoạt động và kỹ thuật, cũng như cung cấp thông tin tình báo từ vệ tinh. ASEAN cần phải đoàn kết lại.

Bài viết này là sự tiếp nối cuộc tranh luận về ý tưởng hoạt động tuần tra chung giữa các nước ASEAN từ nhiều năm trước đó¹ với một số thảo luận đã được công bố công khai. Thảo luận nội bộ về vấn đề này ở Việt Nam chắc chắn đã được tiến hành từ lâu, ít nhất là trong nội bộ của Bộ Ngoại giao (trong các học viện trực thuộc như Viện Nghiên cứu Chiến lược hay Viện Nghiên cứu Biển Đông).

Bài viết của Richard J. Heydarian và Trương Minh Huy Vũ đăng trên chuyên mục thảo luận của Trường Nghiên cứu Quốc tế Rajaratnam thuộc Đại học Công nghệ Nanyang từ năm 2015 đã nghiên cứu khả năng thành lập một lực lượng hải quân đa phương ở Đông Nam Á. Ý tưởng này xuất hiện sau phát biểu của Phó Đô đốc Robert Thomas khi đó đang là Tư lệnh Hạm đội 7, rằng các quốc gia Đông Nam Á nên thành lập một lực lượng hải quân đa quốc gia để tiến hành tuần tra phối hợp ở Biển Đông. Bản thân đề xuất của Robert Thomas cũng không hoàn toàn mới mẻ, vì nó dựa trên các khung sáng kiến đã xuất hiện ở Đông Nam Á, ví dụ như hoạt động chống cướp biển chung ở eo Malacca giữa Malaysia, Singapore, Indonesia và Thái Lan.

Ngoài tuần tra chung, Mỹ còn đề xuất thành lập Trung tâm Điều hành Quốc tế Biển Đông ở Indonesia có nhiệm vụ tìm cách hòa giải các tranh chấp biển ở khu vực, đảm bảo an ninh và tự do hàng hải ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Sáng kiến này do Tư lệnh Bộ tư lệnh Thái Bình Dương của Mỹ khi đó là Harry B. Harris đề xuất năm 2014.

Một bài viết khác, của Nguyễn Thế Phương đăng trên trang *Nghiên cứu Biển Đông* thuộc Học viện Ngoại giao cũng vào năm 2015 xem xét khả năng thành lập lực lượng tuần tra chung ở Biển Đông trên cơ sở phân tích hai sáng kiến là Sáng kiến An ninh eo biển Malacca (MSSI) với các hoạt động tuần tra chung tại Malacca (MSSP) và Lực lượng biển hỗn hợp (CMF) như những trường hợp thành công. Tác giả đã kết luận rằng một thỏa thuận đa phương, có tính đồng thuận cao tương tự như MSSI sẽ phù hợp nếu muốn tiến hành tuần tra chung trong tương lai giữa ASEAN, chưa kể cần những bước đi nhỏ, từng bước, và sáng kiến tuần tra chung phải xem xét kỹ càng sự tham gia của các bên thứ ba.

¹ Chứ không phải tác giả lấy “ý tưởng” mới có trên mạng xã hội thời gian gần đây.

Xem thêm:

Nguyễn Thành Trung ngày 16/4/2020: [Hành động kép - Tàu Liêu Ninh và HD8 vào Biển Đông: Không chấp nhận chuyên đã rồi](#)

Richard J. Heydarian và Trương Minh Huy Vũ ngày 20/4/2015: [South China Sea: Time for US-ASEAN Maritime Cooperation](#)

Nguyễn Thế Phương ngày 1/5/2015: [Xây dựng lực lượng tuần tra chung tại Biển Đông: Những bước nhỏ cho một kế hoạch lớn](#)

Mỹ nên tăng cường sử dụng các hệ thống không người lái trong tác chiến chống ngầm

Tác chiến chống ngầm là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất của một lực lượng hải quân. Các hệ thống định vị thủy âm có tầm phát hiện và độ chính xác hạn chế hơn rất nhiều so với các hệ thống radar hay cảm biến ở trên mặt nước. Trong khi đó, tàu ngầm lại có thể mang được các loại tên lửa có tầm bắn hàng trăm thậm chí hàng nghìn cây số, và cần phải được truy tìm trên diện rộng. Chưa kể, thủy lôi phải được thả một cách thật sự chính xác mới có thể đánh chìm được một chiếc tàu ngầm.

Hải quân Mỹ trong Chiến tranh Lạnh áp dụng cách tiếp cận “tiếp nối” (sequential approach) trong việc theo dõi tàu ngầm. Các nguồn thông tin tình báo quan sát được, hay tình báo điện tử sẽ báo cáo lại khi nào một chiếc tàu ngầm rời cảng, và người ta hy vọng rằng tín hiệu từ chiếc tàu ngầm đó sẽ được phát hiện bởi các hệ thống cảm biến âm thanh, hay cảm biến mảng pha đặt dưới đáy biển. Sau đó, các máy bay tuần tra sẽ cố gắng theo dõi chiếc tàu ngầm bằng cách sử dụng các phao có trang bị cảm biến (sonobuoys), và cuối cùng là chuyển thông tin cho một tàu ngầm hạt tấn công hạt nhân của Mỹ để có thể theo dõi được lâu hơn.

Mô hình chống ngầm này của Mỹ bị phá sản chỉ vài thập kỷ sau Chiến tranh Lạnh, vì số lượng tàu ngầm và máy bay tuần tra của Mỹ giảm, trong khi số lượng tàu ngầm của Trung Quốc thì lại gia tăng, còn tàu ngầm Nga lại trở nên “im lặng” hơn. Trong suốt những năm 2000, chiến lược chống ngầm của Mỹ chuyển từ đánh chìm tàu ngầm đối phương bất cứ khi nào có thể sang ngăn chặn không cho những con tàu này có thể thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, khái niệm tác chiến chống ngầm hiện nay vẫn dựa chủ yếu vào máy bay, tàu chiến mặt nước và tàu ngầm để phát hiện, theo dõi và tấn công tàu ngầm của đối phương. Các hệ thống vũ khí hiện tại của Mỹ như máy bay P-8 Poseidon, khu trục

hạm lớp Arleigh Burke, hay các tàu ngầm tấn công hạt nhân lại quá đắt đỏ trong triển khai, và có số lượng quá ít.

Với ngân sách hạn chế, hải quân Mỹ nên đầu tư vào các hệ thống không người lái trong tác chiến chống ngầm. Ưu điểm là giá thành mua sắm và vận hành rẻ hơn rất nhiều, chưa kể các hệ thống không người lái có thể đáp ứng mọi nhiệm vụ trong chống ngầm, nhất là triển khai mạng lưới theo dõi tàu ngầm đối phương.

Xem thêm:

Bryan Clark ngày 13/4: [US Navy should turn to unmanned systems to track and destroy submarines](#)

Mỹ nên xây dựng lý thuyết triển khai lực lượng mới

Michael J. Mazarr từ RAND cho rằng đứng trước các thách thức ngân sách và những thay đổi quan trọng trong xu hướng quốc phòng, nước Mỹ nên xây dựng một lý thuyết triển khai lực lượng (power projection) mới.

Về mặt ngân sách, ngày từ trước đại dịch, việc phải dàn trải lực lượng vừa chống lại các thế lực trỗi dậy, vừa chống lại các nước “cứng đầu”, đã khiến cho áp lực ngân sách khó lòng chống chịu được. Chưa kể, đại dịch chắc chắn sẽ khiến cho đầu tư vào quốc phòng sẽ tiếp tục giảm và thách thức cân bằng giữa mục tiêu chiến lược và nguồn lực sẽ tăng lên.

Về mặt chiến lược/chiến dịch, một số xu hướng chính xuất hiện khiến Mỹ cần phải xem xét lại năng lực triển khai quân lực viễn chinh. Chiến lược này hiện tại đã trở nên lỗi thời vì một số lý do sau: (1) các đối thủ như Trung Quốc, Nga và Iran đã phát triển năng lực chống xâm nhập/chống tiếp cận hiệu quả; (2) Mỹ hiện tại không có đủ các phương tiện vận tải chiến lược để vận chuyển quân lực số lượng lớn tới các chiến trường ở khoảng cách xa (cả không vận lẫn hải vận); (3) Quá trình vận chuyển dễ dàng bị vô hiệu quả bởi các công nghệ quân sự mới, như các thiết bị và hệ thống không người lái; tác chiến điện tử; phá hủy con đường hậu cần tiếp tế bằng việc vô hiệu hóa GPS...; (4) Quá trình điều động quân đội ở chính nước Mỹ cũng sẽ bị đình trệ nếu như có một cuộc tấn công mạng nhắm vào hệ thống cơ sở hạ tầng quan trọng.

Sẽ là nguy hiểm nếu nhận định rằng nước Mỹ hiện nay có thể tiến hành “triển khai lực lượng viễn chinh” một cách an toàn. Một cách tiếp cận mới cần phải được xem xét, và cách tiếp cận đó sẽ cần tới ba yếu tố: (1) cải thiện năng lực triển khai vũ khí và tấn công tầm xa; (2) các khái niệm tác chiến mới giúp kéo dài thời gian chống cự ngay cả

khi bên tấn công đạt được một số mục đích; (3) tạo ra những cái giá phải trả cho đối thủ xuyên suốt mọi hình thái chiến trường, và không chỉ về mặt quân sự.

Xem thêm:

Michael J. Mazarr ngày 15/4: [Toward a new theory of power projection](#)

Về hành động đơn phương của Malaysia tại Vùng Xác định Chung (JDA)

Việt Nam và Malaysia cùng đệ trình bản đề xuất chung lên Ủy ban Giới hạn Thềm lục địa (CLCS) của LHQ vào năm 2009 nhằm xác định thềm lục địa mở rộng. Ngày 12/12/2019, Malaysia đệ trình một bản đề xuất khác lên CLCS nhằm xác định thềm lục địa mở rộng tại khu vực biển chồng lấn một phần với vùng thềm lục địa mở rộng của mà Việt Nam đã tuyên bố năm 2009. Malaysia cũng tiến hành thăm dò dầu khí ở đây.

Bản đệ trình của Malaysia đã ghi rõ rằng đây không nên được coi, dưới bất kỳ hình thức nào, như là một công cụ liên quan tới vấn đề phân định đường biên giới trên biển giữa các quốc gia liền kề hay có tranh chấp lãnh thổ. Ngay sau đó, Trung Quốc đệ trình tuyên bố khẳng định chủ quyền ở Biển Đông, và yêu cầu CLCS không xem xét đệ trình của Malaysia. Việt Nam thì bác bỏ các tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc.

Kể từ năm 2018, Seadrill Partners LLC ký hợp đồng cho thuê tàu thăm dò West Capella với công ty Sabah Shell Petroleum Ltd. Khi hợp đồng hết hạn, Seadrill ký hợp đồng với Petronas cho tới 2020. Từ tháng 10/2019 cho tới hiện nay, West Capella vẫn hoạt động thăm dò và khai thác, khảo sát tại các block ND1, ND2 (trong vùng JDA với Việt Nam), và ND4.

Trung Quốc phản ứng bằng cách triển khai một số tàu hải cảnh (5202, 5203, 5305, và 5403) theo dõi, quan sát và đôi khi quấy nhiễu West Capella và các tàu tiếp tế từ tháng 12/2019 cho tới tháng 2/2020. Đá Chữ Thập là căn cứ hậu cần. Malaysia cũng đã triển khai 2 tàu chiến tới khu vực: KD Jabat và KD Kelantan, bên cạnh đó còn có một tàu của cơ quan kiểm soát hàng hải KM Bagan Datuk. Hai tàu cá Việt Nam cũng được phát hiện trong vùng JDA.

Cho tới hiện nay, Malaysia chưa giải thích rõ ràng về thời điểm cũng như lý do tại sao lại tiến hành các hoạt động thăm dò đơn phương ở vùng JDA mà không tham vấn trước với Việt Nam. Malaysia cũng không nói rõ tại sao lại đệ trình công nhận vùng thềm lục địa mở rộng ở khu vực phía bắc Trường Sa chồng lấn với Việt Nam. Các nhà phân tích buộc phải đưa ra một số dự đoán về động cơ của Malaysia:

- Trong năm 2019 có hai sự kiện gây căng thẳng lớn ở Biển Đông. Thứ nhất là cuộc đụng độ trên biển kéo dài 4 tháng giữa Việt Nam và Trung Quốc xung

quanh Tư Chính (từ tháng 4 tới tháng 10). Thứ hai là đối đầu giữa Trung Quốc và Indonesia về vấn đề đánh cá xung quanh EEZ ở quần đảo Natuna cuối năm 2019. Malaysia quyết định thực thi chủ quyền bằng cách chính thức công khai vấn đề thêm lục địa mở rộng.

- Malaysia quyết định đề xuất công nhận thêm lục địa mở rộng trước khi ASEAN và Trung Quốc đồng ý ký kết Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC).
- Bản đệ trình yêu cầu công nhận thêm lục địa mở rộng của Malaysia là không “phân biệt” (without prejudice), tức là để ngỏ khả năng các bên liên quan khác như Philippines và Việt Nam có thể tham gia vào các hình thức đối thoại song phương hoặc ba bên liên quan tới phân định các vùng tranh chấp. Điều này sẽ tăng cường vị thế pháp lý của cả ba nước do họ đều chấp nhận phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ kiện của Philippines.
- Bản đệ trình của Malaysia có thể tạo nền tảng cho các bước đi pháp lý chống lại Trung Quốc dựa theo Mục VII UNCLOS. Malaysia cũng có thể viện dẫn hành vi quấy rối của Trung Quốc ở trong EEZ của mình và yêu cầu tòa trọng tài phân định.

Xem thêm

Carl A. Thayer ngày 11/4: [South China Sea: Malaysian Unilateralism in the Joint Defined Area](#)

Malaysia cần tuân thủ các quy tắc của UNCLOS và bản đệ trình chung về thêm lục địa mở rộng với Việt Nam

Phân tích của Vũ Hải Đăng về các hành động đơn phương của Malaysia trong thời gian gần đây tại Vùng Xác Định Chung với Việt Nam. Theo tác giả, Malaysia cần thận trọng, xem xét những hành động phù hợp với luật pháp quốc tế.

Theo UNCLOS, vùng JDA giữa Việt Nam và Malaysia cần phải được xem là đang trong tình trạng “chưa giải quyết xong” (pending status) với 2 yếu tố. Thứ nhất, đó là vùng thêm lục địa chưa được phân định ranh giới rõ ràng giữa hai nước gần kề. Và thứ hai, đây là vùng thêm lục địa nằm ngoài phạm vi 200 hải lý vẫn đang chờ sự công nhận từ Ủy ban Giới hạn thêm lục địa (CLCS) của LHQ.

Với yếu tố thứ nhất, luật quốc tế yêu cầu các quốc gia liên quan không gây tổn hại hay cản trở quá trình ra quyết định cuối cùng về việc phân định ranh giới. Xét trên hoạt động của tàu thăm dò West Capella, Malaysia đang tiến hành một hành động đơn

phương. Với yếu tố thứ hai, hành động thăm dò chắc chắn gây ra những thiệt hại cụ thể về mặt môi trường, vốn có thể tác động

Theo tác giả, phân định ranh giới khu vực JDA sẽ là lựa chọn khả dĩ hơn cả. Malaysia nên bắt đầu tiến hành thảo luận với Việt Nam về vấn đề phân định, thông qua đàm phán hay nhờ phán quyết của tòa. Trong khi đàm phán giúp các quốc gia có liên quan kiểm soát trực tiếp được quá trình phân định, thì nhờ tòa phân định sẽ mang lại nhiều lợi thế cho Malaysia. Thứ nhất là nhanh hơn. Thứ hai Malaysia có nhiều kinh nghiệm giải quyết tranh chấp hàng hải thông qua một bên thứ ba. Cuối cùng, phán quyết từ một cơ quan trọng tài quốc tế có khả năng làm tăng giá trị pháp lý của bản đề trình chung của Malaysia và Việt Nam.

Xem thêm:

AMTI ngày 11/3: [Malaysia should embrace compliance on its overlapping continental shelf claim](#)

III- NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/BÁO CÁO CHUYÊN SÂU

Axel Dessein, “Identifying Windows of Opportunity within China’s Rise: Problematizing China’s Hundred-Year Strategy toward Great-Power Status”

Trong cùng chủ đề với bài viết mới đây của Abraham Denmark và cộng sự mà chúng tôi giới thiệu ở trên, xin giới thiệu một nghiên cứu của Axel Dessein năm 2019. Một trong những phân tích đáng lo ngại nhất về sự trỗi dậy của Trung Quốc có thể được tìm thấy trong cuốn sách “Cuộc đua marathon 100 năm: Chiến lược mật của Trung Quốc dành ngôi bá chủ toàn cầu” của Michael Pillsbury. Tác phẩm chỉ ra một đại chiến lược được bao phủ bởi bí mật của Trung Quốc nhằm mục tiêu thay thế vị trí bá chủ thế giới của Mỹ. Chiến lược đó được tin là sẽ diễn ra trong vòng 100 năm kể từ năm 1949 khi CHND Trung Hoa được thành lập.

Một cảnh báo như vậy theo sau sự xuất hiện của bản Chiến lược An ninh Quốc gia Hoa Kỳ trong đó xem Trung Quốc là một đối thủ cạnh tranh. Bài viết này cho rằng chiến lược trăm năm của Trung Quốc không nhất thiết bị gạt ra một bên. Tuy nhiên một số góc độ trong đó cần phải được điều chỉnh lại cho phù hợp với các tài liệu bản thể bằng tiếng Trung.

Nếu Trung Quốc thật sự có một đại chiến lược nhằm thay thế Mỹ trở thành bá chủ trong khoảng thời gian 100 năm, chúng ta phải hiểu làm thế nào để Trung Quốc đạt được điều đó. Các lãnh đạo Trung Quốc thật sự mong muốn khôi phục vị thế cường quốc của đất nước mà nước này thật sự đã trải qua trong giai đoạn phong kiến để

quốc. Cần thiết phải tập trung chú ý tới những tuyên bố hay dấu hiệu xuất phát từ các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Cách tiếp cận này cho phép chúng ta theo dõi quá trình trỗi dậy của Trung Quốc và những thay đổi theo sau đó theo thời gian.

Trọng tâm của nghiên cứu này tập trung vào những mục tiêu mà giới lãnh đạo đặt ra cho Trung Quốc trong khoảng thời gian từ 2002-2050, trong thời kỳ lãnh đạo của Giang Trạch Dân (1989-2002), Hồ Cẩm Đào (2002-2012) và Tập Cận Bình (2012-nay). Mục tiêu là giới thiệu sự trỗi dậy của Trung Quốc, và việc các nhà lãnh đạo Trung Quốc nghĩ gì theo một cách chiến lược về thời gian và tương lai của quốc gia. Hai nguồn thông tin được sử dụng: các bài phát biểu của giới lãnh đạo, và các bài viết học thuật ở Trung Quốc.

Bài nghiên cứu thấy rằng thay vì tập trung vào các chiến lược dài hạn, giới lãnh đạo Trung Quốc đặc biệt tập trung vào hiện tại. Trong khi mục tiêu được đặt ra là sản phẩm của một niềm tin vào tương lai tốt hơn, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng đồng thời nhận ra rằng con đường tới các mục tiêu đó có cả cơ hội và thách thức, và họ đề cập tới các chính sách thông qua các bài phát biểu và những văn bản quan trọng khác.

Xem thêm:

[Axel Dessein](#), *Military Review*, 9-10/2019.

Scott W. Harold et al., “US-Japan Alliance Conference: Regional Perspective on the Quadrilateral Dialogue and the Free and Open Indo Pacific”

Chính quyền của Tổng thống Donald Trump sử dụng khái niệm “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương mở và tự do” (FOIP) như nguyên tắc định hướng cho một kỷ nguyên đối đầu nước lớn mới với Trung Quốc ở khu vực, đưa khái niệm này vào các văn bản như Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2017, Chiến lược Quốc phòng Quốc gia năm 2018. Đặc biệt hơn, Báo cáo Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương nhấn mạnh mục tiêu của FOIP tập trung vào “sự chuẩn bị”, “đối tác” và “thúc đẩy một mạng lưới khu vực”. Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng Mỹ còn tiến hành mới với các đồng minh như Nhật Bản, Australia và đối tác Ấn Độ trong một phiên bản “Quad” (bộ tứ kim cương) mới mẻ hơn. Tư duy về đối tác và đồng minh ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược của Mỹ đối với khu vực.

Về phần mình, chính sách đối ngoại và quốc phòng của Nhật Bản tập trung vào ba phương hướng chính là nâng cao nội lực, một mối quan hệ quân sự chặt chẽ hơn với Mỹ và một “tầm nhìn FOIP” trong đó ủng hộ luật pháp quốc tế, các thể chế đa phương, và một hệ thống đối tác khu vực bền chặt thông qua hỗ trợ phát triển, nâng

cao năng lực, và tăng cường tính kết nối quốc phòng an ninh. Cách tiếp cận của Nhật Bản đối với FOIP gồm ba yếu tố: thứ nhất là đối phó với sự trỗi dậy của phương Tây, thứ hai là tăng cường liên minh với Mỹ để duy trì các cam kết của Washington; và thứ ba là khẳng định vị thế của Nhật Bản như là một cường quốc hạng một.

Vậy câu hỏi là Ấn Độ, Australia, và Indonesia, các thành viên còn lại của Quad, suy nghĩ như thế nào về sáng kiến này và về cách tiếp cận của Mỹ, của Nhật Bản đối với trật tự khu vực? Họ xem Quad là có tiềm năng phát triển hay là một thể chế gây ra nhiều vấn đề hơn? Mức độ mà Quad có thể làm để duy trì trật tự khu vực và chống lại các hành vi cưỡng ép? Và tới mức độ nào mà các hành vi trên được Quad xem là có thể khiến Trung Quốc nổi giận, và khiến khu vực chia rẽ hơn?

Để trả lời cho câu hỏi này, RAND đã tổ chức một hội thảo tại California vào tháng 3/2019 tập hợp các học giả và nhà chính sách tại bốn quốc gia Mỹ, Australia, Ấn Độ, Nhật Bản để tìm hiểu về các chính sách liên quan tới FOIP và Quad. Cựu phó Cố vấn An ninh Quốc gia Avril Haines phát biểu mở màn về việc nước Mỹ dưới thời Obama đã nhìn nhận trật tự khu vực như thế nào, và các thay đổi trong chính sách của Mỹ từ đó cho tới nay. Naoko Funatsu chia sẻ cách mà các nhà làm luật và nhà phân tích ở Nhật Bản đánh giá về trật tự khu vực, giá trị của tầm nhìn FOIP, và Quad. Tanvi Madan chia sẻ quan điểm của mình về quan điểm của học giả và các nhà làm chính sách Ấn Độ về khu vực, cũng như về vai trò của FOIP và Quad. Natalie Shambhi từ Australia chia sẻ quan điểm xuất phát từ Australia và Indonesia.

Trong Chương 2, Madan cho rằng các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ xem Quad là một cách tiếp cận, nhưng không hẳn là cách duy nhất hay tốt nhất. New Delhi xem sự trỗi dậy và hành vi hung hăng của Trung Quốc là mối đe dọa tới an ninh khu vực, song lại thận trọng trong việc chống Trung Quốc quá mức và ưa thích cách tiếp cận từng bước một, tránh dựa vào một quốc gia hay một nhóm đối tác quá mức cần thiết. Ngoài ra, Ấn Độ cũng lo ngại vai trò của ASEAN sẽ bị lu mờ khi Quad dần được xem là cơ chế đối thoại an ninh thay thế. Tuy thế, vì Trung Quốc hiện diện ngày càng gia tăng ở Ấn Độ Dương, New Delhi xem việc liên kết với các đối tác khác của Quad là một yếu tố chính danh so với các quốc gia không liên kết khác.

Chương 3, Shambhi mô tả quan điểm của Australia và Indonesia về Quad. Với Australia, các nhà hoạch định chính sách (1) từ lâu đã chấp nhận khái niệm “Ấn Độ-Thái Bình Dương” xét tới vị trí chiến lược của Australia nằm giữa hai đại dương; (2) cam kết gắn liền với cấu trúc “tự do và mở”; (3) lo lắng về các cam kết của chính quyền Trump tới khu vực và (4) đặc biệt hài lòng với bản chất dân chủ của Quad (tuy

nhien một số lo lắng nỗ lực xây dựng một cơ chế xung quanh Quad với các giá trị mở và tự do sẽ khiêu khích Trung Quốc một cách quá mức).

Đối với Indonesia, mặc cho vị thế địa chính trị lý tưởng, cách tiếp cận không liên kết của Jakarta khiến cho đảo quốc này có thái độ nghi ngờ đối với cả Quad lẫn FOIP. Thậm chí khi Tổng thống Joko Widodo mong muốn xây dựng Indonesia trở thành một cường quốc biển.

Xem chi tiết tại:

RAND năm 2020: [US-Japan Alliance Conference: Regional Perspective on the Quadrilateral Dialogue and the Free and Open Indo Pacific](#)